

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-4-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 19-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2021, về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01-4-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc M; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐL, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu QTh, thị trấn MĐ, huyện ThNgn, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Tr; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc M, trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 27-6-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Tr vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án và từ chối trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thì xác định được: Về điều kiện kết hôn, thời gian và hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Xuân Tr như nội dung chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm không tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, không quan tâm đến nhau. Về con chung: Chị M và anh Tr không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xác định được và các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr; về con chung: Chị M và anh Tr không có con chung nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc M xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr có nơi cư trú tại xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng trong quá trình tố tụng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, đã không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Xuân Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThL, huyện VB, thành phố Hải Phòng ngày 27-6-2016. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh Tr chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

M xin ly hôn nhưng anh Tr không có quan điểm gì về việc xin ly hôn của chị M. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tại phiên tòa anh Tr đều vắng mặt từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ngọc M xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr.

[4] Về con chung: Chị M và anh Tr không có con chung nên không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Tr không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr.

2. Về con chung: Không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét giải quyết

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0002080 ngày 13-10-2021**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành

án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã ThL, huyện VB;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh